Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

# Chi tiết mã HS 3920.93

| | |
|---|---|
| **Mã HS** | 3920.93 |
| **Mô tả hàng hóa** | Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ plastic khác: / - - Từ nhựa amino: |
| **Đơn vị** | |
| **Thời điểm tạo** | 09/11/2026 12:31:21 |
| **Phiên bản dữ liệu** | 2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx |
| **Trạng thái xác minh** | Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh. |
| **Liên kết** | https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/392093/ |

## 2 dòng thuế thuộc 3920.93

| Mã HS | Mô tả hàng hóa | Đơn vị | Thuế NK thông thường | MFN | VAT |
|---|---|---|---|---|---|
| 3920.93.10 | Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ plastic khác: / - - Từ nhựa amino: / - - - Dạng tấm và phiến (SEN) | kg/m2/chiếc | 9% | 6% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 3920.93.90 | Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ plastic khác: / - - Từ nhựa amino: / - - - Loại khác | kg/m2/chiếc | 9% | 6% | 8 / 10 (nhiều mức) |

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.